CÔNG TY CỔ PHẦN OCO GROUP

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN OCO GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: OCO GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: OCO GROUP

2. Mã số doanh nghiệp: 0110642747

3. Ngày thành lập: 07/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 46 Tăng Bạt Hổ, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0866865525* Fax:

Email: *Ocogroup777@gmail.com* Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	*4511*
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	*4512*
3.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	*4513*
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	*4520*
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	*4530*
6.	Bán mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	*4541*
7.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	*4542*
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá)	*4543*
9.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (không bao gồm đấu giá tài sản)	*4610*
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	*4620*
11.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	*4631*

12.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt Bán buôn thủy sản Bán buôn rau, quả Bán buôn cà phê Bán buôn chè Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột Bán buôn thực phẩm khác Kinh doanh thực phẩm chức năng	*4632*
13.	Bán buôn đồ uống	*4633*
14.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	*4634*
15.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	*4641*
16.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	*4649*
17.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	*4651*
18.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	*4652*
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	*4653*
20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	*4659*
21.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	*4661*
22.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ vàng)	*4662*
23.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	*4663*
24.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	*4669*
25.	Khai thác và thu gom than cứng	*0510*
26.	Khai thác và thu gom than non	*0520*
27.	Khai thác quặng sắt	*0710*
28.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị (trừ hoạt động tổ chức họp báo)	*8230*
29.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh theo quy định của pháp luật.	*8299*

30.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Chi tiết: Hoạt động của các cơ sở và việc cung cấp các dịch vụ đáp ứng nhu cầu về thưởng thức văn hóa và giải trí cho khách hàng, bao gồm việc sản xuất, quảng cáo, tham dự, việc trình diễn trực tiếp, các sự kiện hoặc các các cuộc triển lãm dành cho công chúng; việc cung cấp các kỹ năng nghệ thuật, kỹ năng sáng tác hoặc kỹ thuật cho việc sản xuất các sản phẩm nghệ thuật và các buổi trình diễn trực tiếp. - Hoạt động của các nhà sản xuất hoặc các nhà thầu về các sự kiện trình diễn nghệ thuật trực tiếp, có hoặc không có cơ sở.	*9000(Chính)*
31.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	*6202*
32.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	*6311*
33.	Cổng thông tin (không bao gồm hoạt động báo chí)	*6312*
34.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm hoạt động báo chí)	*6399*
35.	Quảng cáo	*7310*
36.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm hoạt động báo chí)	*7320*
37.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	*7410*
38.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ hoạt động của các phóng viên ảnh)	*7420*
39.	Bán buôn tổng hợp	*4690*
40.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4711*
41.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	*4719*
42.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	*4721*
43.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4722*
44.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	*4723*
45.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	*4724*
46.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	*4730*
47.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	*0722*
48.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	*0730*
49.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	*0810*
50.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	*0891*
51.	Khai thác muối	*0893*
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	*0990*
53.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	*1010*
54.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	*1020*
55.	Chế biến và bảo quản rau quả	*1030*

56.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	*1040*
57.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	*1050*
58.	Xay xát và sản xuất bột thô	*1061*
59.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	*1062*
60.	Sản xuất các loại bánh từ bột	*1071*
61.	Sản xuất đường	*1072*
62.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Nhóm này gồm: - Sản xuất súp và nước xuýt; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất dấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi. Nhóm này cũng gồm: - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo; - Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến; - Sản xuất thực phẩm chức năng.	*1079*
63.	Sản xuất sợi	*1311*
64.	Sản xuất vải dệt thoi	*1312*
65.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	*1313*
66.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	*1391*
67.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	*1392*
68.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	*1393*
69.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	*1394*
70.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	*1399*
71.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	*1512*
72.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	*1610*
73.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	*1621*
74.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	*1622*

75.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	*1629*
76.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	*1701*
77.	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa	*1702*
78.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	*1709*
79.	In ấn	*1811*
80.	Dịch vụ liên quan đến in	*1812*
81.	Sao chép bản ghi các loại	*1820*
82.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm hoạt động đấu giá)	*4774*
83.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (không bao gồm hoạt động đấu giá)	*4791*
84.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm hoạt động đấu giá)	*4799*
85.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	*4921*
86.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	*4922*
87.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	*4929*
88.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	*4931*
89.	Vận tải hành khách đường bộ khác	*4932*
90.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	*4933*
91.	Vận tải đường ống	*4940*
92.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương (trừ hoạt động vận tải viễn dương)	*5011*
93.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (trừ hoạt động vận tải viễn dương)	*5012*
94.	Vận tải hành khách đường thuỷ nội địa	*5021*
95.	Vận tải hàng hóa đường thuỷ nội địa	*5022*
96.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	*5210*
97.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	*5221*
98.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	*5222*
99.	Bốc xếp hàng hóa	*5224*
100.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: - Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa; - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ôtô, bãi để xe đạp, xe máy; - Lai dắt, cứu hộ đường bộ.	*5225*

101.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ vận tải hàng không)	*5229*
102.	Chuyển phát Chi tiết: cung ứng dịch vụ chuyển phát trong nước	*5320*
103.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	*5510*
104.	Cơ sở lưu trú khác	*5590*
105.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	*5610*
106.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	*5621*
107.	Dịch vụ ăn uống khác	*5629*
108.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	*5630*
109.	Xuất bản phần mềm (trừ xuất bản phẩm)	*5820*
110.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Sản xuất phim video và chương trình truyền hình	*5911*
111.	Hoạt động hậu kỳ	*5912*
112.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc Chi tiết: Sản xuất phim video và chương trình truyền hình	*5920*
113.	Đại lý du lịch	*7911*
114.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế	*7912*
115.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	*7990*
116.	Xây dựng nhà để ở	*4101*
117.	Xây dựng nhà không để ở	*4102*
118.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	*4741*
119.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4742*
120.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	*4751*
121.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	*4752*
122.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	*4753*
123.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	*4759*
124.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	*4761*
125.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	*4762*

126.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	*4763*
127.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	*4764*
128.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	*4771*
129.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	*4772*
130.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	*4773*

6. Vốn điều lệ: 3.699.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 369.900

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÃ THỊ ÁNH HỒNG	Số 62 Nguyễn Chính, tổ 25, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	88.776	887.760.000	24,000	038178014404	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	88.776	887.760.000	24,000		

2	BÙI MẠNH TIẾN	Thôn Khoai Trung, Xã Đức Bác, Huyện Sông Lô, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	18.495	184.950.000	5,000	135886880	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	18.495	184.950.000	5,000		
3	HOÀNG NGỌC MAI	85C Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	22.194	221.940.000	6,000	001195001342	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	22.194	221.940.000	6,000		
4	NGUYỄN VĂN VŨ	P417-A5-435A Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	129.465	1.294.650.000	35,000	001052001661	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	129.465	1.294.650.000	35,000		

5	NGUYỄN QUÝ ĐÔN	85C Đại Cồ Việt, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	36.990	369.900.000	10,000	001078020326	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	36.990	369.900.000	10,000		
6	TRẦN TIẾN HÙNG	Khu 3, Xã Xuân Lộc, Huyện Thanh Thuỷ, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	73.980	739.800.000	20,000	025200011153	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	73.980	739.800.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần *(VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)*	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

***** Họ và tên: TRẦN TIẾN HÙNG Giới tính: *Nam*
Chức danh: *Tổng giám đốc*
Sinh ngày: *24/08/2000* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *025200011153*
Ngày cấp: *25/06/2021* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự xã hội*
Địa chỉ thường trú: *Khu 3, Xã Xuân Lộc, Huyện Thanh Thuỷ, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*
Địa chỉ liên lạc: *Khu 3, Xã Xuân Lộc, Huyện Thanh Thuỷ, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

***** Họ và tên: NGUYỄN VĂN VŨ Giới tính: *Nam*
Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*
Sinh ngày: *05/05/1952* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *001052001661*
Ngày cấp: *05/06/2015* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*
Địa chỉ thường trú: *P417-A5-435A Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Địa chỉ liên lạc: *P417-A5-435A Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội